

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

§1.1 KHÁI NIỆM CHUNG

1.1-Khái niệm về bảo hộ lao động:

-Bảo hộ lao động là môn khoa học nghiên cứu các vấn đề hệ thống các văn bản pháp luật, các biện pháp về tổ chức kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ để cải tiến điều kiện lao động nhằm:

- Bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người trong lao động.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Bảo vệ môi trường lao động nói riêng và môi trường sinh thái nói chung.
- Góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

-Nói 1 cách ngắn gọn hơn: Bảo hộ lao động là hệ thống các giải pháp về pháp luật, khoa học kỹ thuật, kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe của con người trong quá trình lao động sản xuất.

-Từ khái niệm trên có thể thấy rõ tính pháp lý, tính khoa học, tính quần chúng của công tác bảo hộ lao động luôn gắn bó mật thiết với nhau và nội dung của công tác bảo hộ lao động nhất thiết phải thể hiện đầy đủ các tính chất trên.

1.2-Mục đích bảo hộ lao động:

-Mục đích:

- Bảo đảm cho mọi người lao động những điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, thuận lợi và tiện nghi nhất.
- Không ngừng nâng cao năng suất lao động, tạo nên cuộc sống hạnh phúc cho người lao động.
- Góp phần vào việc bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nhân lực lao động.
- Nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người mà trước hết là của chính người lao động.

⇒ Đây cũng là chính sách đầu tư cho chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

-Chính sách bảo hộ lao động chính là những chủ trương, quyết định, quy định, hướng dẫn nhằm thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, đường lối về công tác bảo hộ lao động. Thực tiễn hiện nay đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết trong việc đổi mới chính sách bảo hộ lao động cho phù hợp với yêu cầu nền kinh tế hiện nay.

1.3-Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động:

-Ý nghĩa về mặt chính trị:

- Làm tốt công tác bảo hộ lao động sẽ góp phần vào việc củng cố lực lượng sản xuất và phát triển quan hệ sản xuất.
- Chăm lo đến sức khỏe, tính mạng, đời sống của người lao động.
- Xây dựng đội ngũ công nhân lao động vững mạnh cả về số lượng và thể chất.

-Ý nghĩa về mặt pháp lý:

- Bảo hộ lao động mang tính pháp lý vì mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, các giải pháp khoa học công nghệ, các biện pháp tổ chức xã hội đều được thể chế hoá bằng các quy định luật pháp.
- Nó bắt buộc mọi tổ chức, mọi người sử dụng lao động cũng như người lao động thực hiện.

→ Trên thế giới quyền được bảo hộ lao động đã được thừa nhận và trở thành 1 trong những mục tiêu đấu tranh của người lao động.

-Ý nghĩa về mặt khoa học:

- Được thể hiện ở các giải pháp khoa học kỹ thuật để loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại thông qua việc điều tra, khảo sát, phân tích và đánh giá điều kiện lao động, biện pháp kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy, kỹ thuật vệ sinh, xử lý ô nhiễm môi trường lao động, phương tiện bảo vệ cá nhân,...
- Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ tiên tiến để phòng ngừa, hạn chế tai nạn lao động xảy ra.
- Nó còn liên quan trực tiếp đến bảo vệ môi trường sinh thái, vì thế hoạt động khoa học về bảo hộ lao động góp phần quyết định trong việc giữ gìn môi trường trong sạch.

-Ý nghĩa về tính quần chúng:

- Nó mang tính quần chúng vì đó là công việc của đông đảo những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất. Họ là người có khả năng phát hiện và đề xuất loại bỏ các yếu tố có hại và nguy hiểm ngay chỗ làm việc.
- Không chỉ người lao động mà mọi cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật... đều có trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.
- Ngoài ra các hoạt động quần chúng như phong trào thi đua, tuyên truyền, hội thi, hội thao, giao lưu liên quan đến an toàn lao động đều góp phần quan trọng vào việc cải thiện không ngừng điều kiện làm việc, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

⇒ Tóm lại ở đâu có sản xuất, công tác, có con người làm việc thì ở đó phải tiến hành công tác bảo hộ lao động. Bảo hộ lao động trước hết là phạm trù của sản xuất, gắn liền với sản xuất nhằm bảo vệ yếu tố năng động nhất của lực lượng sản xuất là người lao động; đồng thời nhờ chăm lo sức khỏe cho người lao động, mang lại hạnh phúc cho bản thân và gia đình họ mà công tác bảo hộ lao động có 1 hệ quả xã hội và nhân đạo rất to lớn.

§1.2 NỘI DUNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM TRONG CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

2.1-Nội dung của bảo hộ lao động:

2.1.1-Nội dung: Bảo hộ lao động gồm 4 phần:

-Luật pháp bảo hộ lao động: là những quy định về chế độ, thể lệ bảo hộ lao động như:

- Giờ giấc làm việc và nghỉ ngơi.

- Bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe cho công nhân.
- Chế độ lao động đối với nữ công nhân viên chức.
- Tiêu chuẩn quy phạm về kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động.

→ Luật lệ bảo hộ lao động được xây dựng trên cơ sở yêu cầu thực tế của quần chúng lao động, căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế, trình độ khoa học được sửa đổi, bổ sung dần dần thích hợp với hoàn cảnh sản xuất trong từng thời kỳ kinh tế của đất nước.

-Vệ sinh lao động: nhiệm vụ của vệ sinh lao động là:

- Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường và điều kiện lao động sản xuất lên cơ thể con người.
- Đề ra những biện pháp về y tế vệ sinh nhằm loại trừ và hạn chế ảnh hưởng của các nhân tố phát sinh những nguyên nhân gây bệnh nghề nghiệp trong sản xuất.

-Kỹ thuật an toàn lao động:

- Nghiên cứu phân tích các nguyên nhân chấn thương, sự phòng tránh tai nạn lao động trong sản xuất, nhằm bảo đảm an toàn sản xuất và bảo hộ lao động cho công nhân.
- Đề ra và áp dụng các biện pháp tổ chức và kỹ thuật cần thiết nhằm tạo điều kiện làm việc an toàn cho người lao động để đạt hiệu quả cao nhất.

-Kỹ thuật phòng cháy chữa cháy:

- Nghiên cứu phân tích các nguyên nhân cháy, nổ trên công trường.
- Tìm ra biện pháp phòng cháy, chữa cháy có hiệu quả nhất.
- Hạn chế sự thiệt hại thấp nhất do hỏa hoạn gây ra.

2.1.2-Các khái niệm thuật ngữ: Các thuật ngữ dưới đây đã được quốc tế hoá và được sử dụng trong các văn bản trên:

-An toàn lao động: Tình trạng nơi làm việc đảm bảo cho người lao động được làm việc trong điều kiện lao động an toàn, không gây nguy hiểm đến tính mạng, không bị tác động xấu đến sức khỏe.

-Điều kiện lao động: Tổng thể các yếu tố kinh tế, xã hội, tổ chức, kỹ thuật, tự nhiên thể hiện qua quy trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, môi trường lao động, con người lao động và sự tác động qua lại giữa chúng, tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất.

-Yêu cầu an toàn lao động: là các yêu cầu cần phải được thực hiện nhằm đảm bảo an toàn lao động.

-Sự nguy hiểm trong sản xuất: là yếu tố có khả năng tác động của các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất đối với người lao động.

-Yếu tố nguy hiểm trong sản xuất: là yếu tố có khả năng tác động của gây chấn thương cho người lao động trong sản xuất.

-Yếu tố có hại trong sản xuất: là yếu tố khả năng tác động của gây bệnh cho người lao động trong sản xuất.

-An toàn của thiết bị sản xuất: là tính chất của thiết bị bảo đảm được tình trạng an toàn khi thực hiện các chức năng đã quy định trong điều kiện xác định và trong thời gian quy định.

-An toàn của quy trình sản xuất: là tính chất của quy trình sản xuất bảo đảm được tình trạng an toàn khi thực hiện các thông số đã cho trong suốt thời gian quy định.

-Phương tiện bảo vệ người lao động: là dùng để phòng ngừa hoặc làm giảm tác động của các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất đối với người lao động.

-Kỹ thuật an toàn: là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động.

-Vệ sinh sản xuất: là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người lao động.

-Tai nạn lao động: là tai nạn xảy ra gây tác hại đến cơ thể người lao động do các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất.

-Chấn thương lao động: là chấn thương gây ra đối với người lao động trong sản xuất do không tuân theo các yêu cầu về an toàn lao động. Nhiễm độc cấp tính được coi như chấn thương.

-Bệnh nghề nghiệp: là bệnh phát sinh do tác động của điều kiện lao động có hại đối với người lao động.

2.2-Nội dung kế hoạch bảo hộ lao động:

-Kế hoạch bảo hộ lao động là văn bản có nội dung về biện pháp, kinh phí, vật tư, thời gian hoàn thành, phân công tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động.

-Các doanh nghiệp khi lập kế hoạch sản xuất phải đồng thời lập kế hoạch bảo hộ lao động. Các cơ quan quản lý cấp trên của doanh nghiệp nếu tổ chức xét duyệt kế hoạch sản xuất thì đồng thời phải xét duyệt kế hoạch bảo hộ lao động.

-Nội dung chi tiết bao gồm:

- Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ:
 - ✚ Chế tạo, sửa chữa, mua sắm các thiết bị, bộ phận, dụng cụ nhằm mục đích che chắn, hãm đóng mở các máy, thiết bị, bộ phận, công trình, khu vực nguy hiểm, có nguy cơ gây ra sự cố và tai nạn lao động.
 - ✚ Làm thêm các giá đỡ nguyên vật liệu, thành phẩm.
 - ✚ Lắp đặt các thiết bị báo động bằng màu sắc, ánh sáng, tiếng động,...
 - ✚ Đặt biển báo.
 - ✚ Nội quy, quy trình vận hành an toàn.
 - ✚ Mua sắm, sản xuất các thiết bị, trang bị phòng cháy, chữa cháy.
 - ✚ Di chuyển các bộ phận sản xuất, kho chứa các chất độc hại, dễ cháy nổ ra xa nơi có nhiều người đi lại.
 - ✚ Kiểm định định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động,...
- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh lao động trong phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động:
 - ✚ Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc.
 - ✚ Nâng cấp hoàn thiện làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền.

- ✚ Xây dựng, cải tạo nhà tắm.
 - ✚ Lắp đặt máy giặt, máy tẩy chất độc.
 - Mua sắm trang bị bảo vệ cá nhân:
 - ✚ Dây an toàn, mặt nạ phòng độc, tất chống dính, tất chống vắt, ủng cách điện, ủng chịu acid, mũ bảo tóc, mũ chống chấn thương sọ não; khẩu trang chống bụi, bao tai chống ồn, quần áo chống phóng xạ, chống điện từ trường, quần áo chống rét, quần áo chịu acid...
 - Chăm sóc sức khỏe người lao động:
 - ✚ Khám sức khỏe khi tuyển dụng.
 - ✚ Khám sức khỏe định kỳ.
 - ✚ Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.
 - ✚ Bồi dưỡng bằng hiện vật.
 - ✚ Điều dưỡng và phục hồi chức năng lao động.
 - Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về bảo hộ lao động:
 - ✚ Tổ chức huấn luyện về bảo hộ lao động.
 - ✚ Chiếu phim, tham quan triển lãm bảo hộ lao động.
 - ✚ Tổ chức thi an toàn - vệ sinh viên giỏi.
 - ✚ Kê panô, áp phích, mua tài liệu và tạp chí bảo hộ lao động.
- Việc lập kế hoạch phải căn cứ vào:
- Nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình lao động của năm kế hoạch.
 - Những thiếu sót tồn tại trong công tác bảo hộ lao động được rút ra từ các tai nạn lao động, cháy nổ, bệnh nghề nghiệp, từ các báo cáo kiểm điểm công tác bảo hộ lao động năm trước.
 - Các kiến nghị phản ánh của người lao động, ý kiến tổ chức của công đoàn và kiến nghị của đoàn thanh tra.

2.3-Phương pháp nghiên cứu môn học:

-Nghiên cứu bảo hộ lao động là để tạo ra được các điều kiện lao động an toàn và vệ sinh, đồng thời đạt năng suất lao động cao nhất.

-Bảo hộ lao động trong XDCCB có liên quan đến nhiều môn học như vật lý, hoá học, toán học, nhiệt kỹ thuật, cơ kết cấu..., đặc biệt đối với môn kỹ thuật thi công, tổ chức thi công, máy xây dựng. Do đó nghiên cứu môn học này cần vận dụng những kiến thức các môn học liên quan nói trên; đồng thời qua nghiên cứu, bổ sung cho các môn học này được hoàn chỉnh hơn trên quan điểm bảo hộ lao động.

-Nội dung nghiên cứu bảo hộ lao động là:

- Phải tiến hành phân tích các nguyên nhân chấn thương và bệnh nghề nghiệp trong thi công xây dựng, nguyên nhân phát sinh cháy nổ trên công trường.
- Xác định được những quy luật phát sinh nhất định của những nguyên nhân đó, cho phép thấy trước được những nguy cơ tai nạn, những yếu tố độc hại và nguy cơ cháy nổ trong sản xuất.
- Đề ra các biện pháp phòng ngừa và loại trừ nguyên nhân phát sinh của chúng, đảm bảo tiến hành các quá trình thi công an toàn, vệ sinh và an toàn chống cháy.

2.4-Những quan điểm trong công tác bảo hộ lao động:

-Bảo hộ lao động là chính sách lớn của Đảng và Nhà Nước Việt Nam. Các quan điểm cơ bản đã được thể hiện trong sắc lệnh 29/SL ngày 13/03/1947 và 77/SL ngày 25/05/1950 về an toàn - vệ sinh lao động và thời gian lao động - nghỉ ngơi; trong Điều lệ tạm thời về bảo hộ lao động tại Nghị định số 181/CP ngày 18/12/1964; trong Hiến pháp năm 1958; trong Pháp lệnh Bảo hộ lao động; trong Hiến pháp năm 1992, Bộ Luật Lao động ban hành năm 1994 và gần đây trong Bộ Luật Lao động đã sửa đổi bổ sung năm 2003. Cụ thể là:

- **Con người là vốn quý nhất của xã hội:** Người lao động vừa là động lực, vừa là mục tiêu phát triển xã hội. Bảo hộ lao động là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Lao động là động lực chính của sự tiến bộ con người.
- **Bảo hộ lao động phải thực hiện đồng thời với quá trình sản xuất:** Khi nào và ở đâu có hoạt động lao động sản xuất thì khi đó và ở đó phải có tổ chức công tác bảo hộ lao động theo đúng phương châm “Bảo đảm an toàn để sản xuất, sản xuất phải bảo đảm an toàn lao động”.
- **Công tác bảo hộ lao động phải thể hiện đầy đủ 3 tính chất:** khoa học kỹ thuật, luật pháp và quần chúng mới đạt hiệu quả cao.
- **Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm chính trong việc bảo hộ lao động cho người lao động:** Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cả 2 chủ thể trong quan hệ lao động mới nâng cao được nghĩa vụ của mỗi bên trong công tác bảo đảm an toàn và sức khỏe lao động.

§1.3 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

3.1-Nội dung chủ yếu của luật pháp bảo hộ lao động:

-Hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm:

- Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn.
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động.
- Quy phạm quản lý và các chế độ cụ thể.

⇒ Nhằm phục vụ mục tiêu đảm bảo an toàn tính mạng và sức khỏe lao động trong sản xuất.

3.2-Mục tiêu công tác bảo hộ lao động:

-Mục tiêu công tác bảo hộ lao động là đảm bảo cho người lao động không bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn do tác động của các yếu tố nguy hiểm, có hại trong lao động sản xuất thông qua hệ thống luật pháp, chính sách và các giải pháp về khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội, tuyên truyền giáo dục, tổ chức lao động và sự tuân thủ nội quy, quy trình, quy phạm an toàn và vệ sinh lao động của người sử dụng lao động và của người lao động.

3.2.1-Phạm vi đối tượng của công tác bảo hộ lao động:

a/Người lao động:

-Là phải kể cả người học nghề, tập nghề, thử việc được làm trong điều kiện an toàn, vệ sinh, không bị tai nạn lao động, không bị bệnh nghề nghiệp; không phân biệt người lao

động trong cơ quan, doanh nghiệp của Nhà nước hay trong các thành phần kinh tế khác; không phân biệt người Việt Nam hay người nước ngoài.

b/Người sử dụng lao động:

-Ở các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế khác, các cá nhân có sử dụng lao động để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

-Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các đơn vị xí nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể nhân dân, các doanh nghiệp thuộc lực lượng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân, các cơ quan tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế tại Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam.

⇒ Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ lao động trong đơn vị mình.

3.2.2-Các quy định về kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động:

-Nhà nước ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, quy phạm quản lý đối với từng loại máy, thiết bị, công trình, kho tàng, hoá chất nơi làm việc. Người sử dụng lao động phải căn cứ để xây dựng nội quy, quy trình làm việc an toàn. Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh là tiêu chuẩn bắt buộc thực hiện.

-Khi lập luận chứng kinh tế kỹ thuật các dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất; sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động thì chủ đầu tư phải bảo vệ và lập luận chứng về an toàn và vệ sinh lao động. Cơ quan thanh tra an toàn và vệ sinh lao động tham gia đánh giá tính khả thi của nó. Danh mục các cơ sở, máy móc, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và vệ sinh lao động do Bộ LĐ-TB và XH và Bộ Y tế ban hành.

-Khi triển khai thực hiện các dự án, chủ đầu tư phải thực hiện đúng các luận chứng về an toàn và vệ sinh lao động trong dự án đã được Hội đồng thẩm định dự án chấp thuận.

-Người sử dụng lao động phải định kỳ kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng và định kỳ đo đạc các yếu tố vệ sinh lao động tại nơi làm việc và thực hiện các biện pháp bảo đảm người lao động luôn luôn được làm việc trong điều kiện an toàn và vệ sinh lao động theo tiêu chuẩn đã nêu ở điểm a). Các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và vệ sinh lao động đều phải được đăng ký, kiểm định và được cấp giấy phép trước khi đưa vào sử dụng.

-Tại những nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, có hại dễ gây tai nạn lao động, sự cố sản xuất đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người lao động, người sử dụng lao động phải lập phương án xử lý sự cố trong trường hợp khẩn cấp; phải trang bị phương tiện cấp cứu kỹ thuật, cấp cứu y tế đảm bảo ứng cứu kịp thời, có hiệu quả. Các trang thiết bị này phải được định kỳ kiểm tra về số lượng, chất lượng và thuận tiện khi sử dụng.

-Các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp hoặc các cá nhân muốn nhập khẩu các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều phải thông qua cơ quan thanh tra an toàn thuộc Bộ LĐ-TB và XH thẩm định về mặt an toàn trước khi xin Bộ Thương mại cấp giấy phép nhập khẩu.

-Người sử dụng lao động phải trang thiết bị cho người lao động (không thu tiền) các loại thiết bị bảo vệ cá nhân để ngăn ngừa tác hại của các yếu tố nguy hiểm do công việc mà các biện pháp kỹ thuật chưa loại trừ.

3.3-Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động:

3.3.1-Đối với người sử dụng lao động:

a/Nghĩa vụ:

-Hàng năm phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động. Người sử dụng lao động phải đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Những điều kiện này phải được thể hiện đầy đủ và cụ thể trong hợp đồng lao động và trong thỏa ước lao động tập thể giữa người lao động và người sử dụng lao động.

-Phải trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các phương tiện bảo vệ cá nhân đạt tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách theo quy định cho người lao động. Thực hiện các quy định về giờ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bồi dưỡng, chế độ phụ cấp độc hại, chế độ đối với lao động nữ, lao động chưa thành niên, lao động đã thù,...đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

-Thành lập Hội đồng bảo hộ lao động cơ sở. Phân công trách nhiệm về bảo hộ lao động và việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động trong doanh nghiệp. Tự kiểm tra tình hình thực hiện các công tác bảo hộ lao động tại cơ sở.

-Có kế hoạch giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động. Phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên và vệ sinh viên.

-Xây dựng mới, bổ sung và hoàn thiện các nội quy an toàn - vệ sinh lao động, quy trình vận hành phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật út, dây chuyền công nghệ. Định kỳ kiểm tra, kiểm định độ an toàn của máy, thiết bị theo tiêu chuẩn quy định, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót được phát hiện ngay sau khi kiểm tra, kiểm định.

-Tổ chức biên soạn ban hành giáo trình, tổ chức huấn luyện lần đầu và định kỳ cho người lao động; hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn - vệ sinh lao động thông báo những nguy cơ dẫn đến tai nạn, bệnh nghề nghiệp đối với từng loại công việc tới người lao động.

-Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định. Căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe mà bố trí công việc cho phù hợp. Thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng, vệ sinh cá nhân

-Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...với Sở LĐ-TB và XH, Sở Y tế địa phương.

b/Quyền hạn:

-Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội dung, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động.

-Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm thực hiện an toàn, vệ sinh lao động.

-Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của thanh tra viên an toàn lao động nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

3.3.2-Đối với người lao động:

a/Nghĩa vụ:

- Chấp hành các quy định về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc và nhiệm vụ được giao.
- Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang bị cấp phát, các thiết bị an toàn, vệ sinh nơi làm việc, nếu làm mất mát hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.
- Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc các sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động.

b/Quyền lợi:

- Yêu cầu bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động cũng như được cấp các thiết bị cá nhân, được huấn luyện biện pháp an toàn lao động.
- Từ chối các công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp; sẽ không tiếp tục làm việc nếu như thấy nguy cơ đó vẫn chưa được khắc phục.
- Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước hoặc không thực hiện các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng hoặc thỏa ước lao động.

§1.4 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

- Trách nhiệm của các cấp các ngành và các tổ chức công đoàn về an toàn vệ sinh lao động được quy định trong Bộ Luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy,...
- Bộ Luật Lao động quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động gồm các nội dung sau:

- Xây dựng chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và ngân sách nhà nước.
- Ban hành quản lý thống nhất tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn - vệ sinh lao động.
- Quản lý hệ thống thanh tra nhà nước về an toàn - vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động.
- Quản lý nhà nước các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về bảo hộ lao động; đào tạo, giáo dục, thông tin, tuyên truyền, hợp tác quốc tế về bảo hộ lao động.

- Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước:

⊙Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

- Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền hoặc ban hành các văn bản pháp luật, các chính sách, chế độ về bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động.

- Xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất quy phạm, tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động; hướng dẫn các cấp, ngành thực hiện an toàn lao động.
- Thanh tra, tổ chức thông tin huấn luyện, hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực an toàn lao động.

② Bộ Y tế:

- Xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất quy phạm vệ sinh lao động, tiêu chuẩn sức khỏe đối với các nghề, các công việc.
- Hướng dẫn chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện, thanh tra vệ sinh lao động, tổ chức điều trị bệnh nghề nghiệp.
- Thanh tra về vệ sinh lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp.
- Hợp tác với nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực vệ sinh lao động.

③ Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường:

- Quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động; ban hành hệ thống tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách các loại phương tiện bảo vệ các nhân trong lao động.
- Cùng với Bộ LĐTB và XH, Bộ Y tế xây dựng, ban hành và quản lý hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động.

④ Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Chỉ đạo đưa nội dung an toàn, vệ sinh lao động vào giảng dạy ở các trường đại học, trường kỹ thuật nghiệp vụ, quản lý và dạy nghề.

⑤ Các bộ, ngành:

- Ban hành hệ thống tiêu chuẩn quy phạm, an toàn vệ sinh lao động cấp ngành sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Bộ LĐTB và XH, Bộ Y tế.

⑥ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

- Thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động trong địa phương mình.
- Xây dựng các mục tiêu đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và ngân sách của địa phương.

⑦ Thanh tra Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động:

- Thanh tra việc chấp hành các quy định về lao động, về an toàn, vệ sinh lao động.
- Điều tra tai nạn lao động và những vi phạm tiêu chuẩn vệ sinh lao động.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về lao động theo quy định của pháp luật. Xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật lao động.
- Xem xét việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn lao động, các giải pháp trong các dự án xây dựng, kiểm tra và cho phép sử dụng những máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

⑧ Tổ chức công đoàn:

- Công đoàn là tổ chức đại diện cho người lao động, bảo vệ quyền lợi của người lao động theo pháp luật hiện hành và Luật Công đoàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, xây dựng tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động.
- Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, vận động người lao động chấp hành Pháp luật Bảo hộ lao động và có quyền yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động.
- Cử đại diện tham gia điều tra các vụ tai nạn lao động, có quyền kiến nghị các cơ quan nhà nước hoặc toà án xử lý trách nhiệm đối với những người để xảy ra tai nạn lao động.
- Tham gia góp ý với người sử dụng lao động trong việc xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động.
- Xây dựng và duy trì hoạt động của mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên, thay mặt tập thể người lao động lý thoả ước tập thể về bảo hộ lao động với người sử dụng lao động.

§1.5 KHAI BÁO, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

5.1-Mục đích:

- Công tác khai báo, điều tra phải đánh giá được tình hình tai nạn lao động.
- Phân tích, xác định các nguyên nhân tai nạn lao động.
- Đề ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các trường hợp tai nạn tương tự hoặc tái diễn
- Phân tích rõ trách nhiệm đối với người sử dụng lao động và thực hiện chế độ bồi thường.

5.2-Khái niệm về điều kiện lao động, nguyên nhân tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

5.2.1-Điều kiện lao động ngành xây dựng:

- Ngành xây dựng có nhiều nghề và công việc nặng nhọc, khối lượng về thi công cơ giới và lao động thủ công lớn.
- Công nhân xây dựng phần lớn phải thực hiện công việc ngoài trời, chịu ảnh hưởng xấu của thời tiết. Lao động ban đêm trong nhiều trường hợp thiếu ánh sáng vì điều kiện hiện trường rộng.
- Nhiều công việc phải làm trong môi trường ô nhiễm của các yếu tố độc hại như bụi, tiếng ồn, rung động lớn, hơi khí độc.
- Công nhân phải làm việc trong điều kiện di chuyển ngay trong một công trường, môi trường và điều kiện lao động thay đổi.

⇒ Điều kiện lao động trong ngành xây dựng có nhiều khó khăn, phức tạp, nguy hiểm, độc hại. Như vậy phải hết sức quan tâm đến cải thiện lao động, đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.

5.2.2-Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp:

- Tai nạn lao động là tai nạn làm chết người hoặc làm tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể con người do tác động đột ngột của các yếu tố bên ngoài dưới dạng cơ, lý, hoá, sinh học xảy ra trong quá trình lao động.

-Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do tác động một cách từ từ hoặc cấp tính của các yếu tố độc hại tạo ra trong sản xuất lên cơ thể con người trong quá trình lao động. Có 1 số bệnh nghề nghiệp không chữa được và để lại di chứng nhưng bệnh nghề nghiệp có thể phòng tránh được.

→ Cả chấn thương và bệnh nghề nghiệp đều gây huỷ hoại đối với cơ thể con người, chúng khác nhau ở chỗ:

- Chấn thương thì gây tác dụng một cách đột ngột.
- Bệnh nghề nghiệp thì gây ảnh hưởng từ từ trong thời gian dài làm giảm dần và cuối cùng dẫn đến mất khả năng lao động.

5.2.3-Nguyên nhân gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp:

-Mặc dù chưa có phương pháp chung nhất phân tích chính xác nguyên nhân tai nạn cho các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất nhưng có thể phân tích các nguyên nhân theo các nhóm sau:

- Nguyên nhân kỹ thuật:
 - ✚ Thao tác kỹ thuật không đúng, không thực hiện nghiêm chỉnh những quy định về kỹ thuật an toàn, sử dụng máy móc không đúng đắn.
 - ✚ Thiết bị máy móc, dụng cụ hỏng.
 - ✚ Chỗ làm việc và đi lại chật chội.
 - ✚ Các hệ thống che chắn không tốt, thiếu hệ thống tín hiệu, thiếu cơ cấu an toàn hoặc cơ cấu an toàn bị hỏng, gia cố hố đào không đáp ứng yêu cầu...
 - ✚ Dụng cụ cá nhân hư hỏng hoặc không thích hợp...
- Nguyên nhân tổ chức:
 - ✚ Thiếu hướng dẫn về công việc được giao, hướng dẫn và theo dõi thực hiện các quy tắc không được thấu triệt...
 - ✚ Sử dụng công nhân không đúng nghề và trình độ nghiệp vụ.
 - ✚ Thiếu và giám sát kỹ thuật không đầy đủ, làm các công việc không đúng quy tắc an toàn.
 - ✚ Vi phạm chế độ lao động.
- Nguyên nhân vệ sinh môi trường:
 - ✚ Môi trường không khí bị ô nhiễm hơi, khí độc, có tiếng ồn và rung động lớn.
 - ✚ Chiếu sáng chỗ làm việc không đầy đủ hoặc quá chói mắt.
 - ✚ Không thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu về vệ sinh cá nhân...
 - ✚ Điều kiện vi khí hậu không tiện nghi.
- Nguyên nhân bản thân.

5.3-Phương pháp khai báo, điều tra, đánh giá tình hình lao động:

5.3.1-Khai báo điều tra:

-Khi xảy ra tai nạn lao động, người sử dụng lao động phải tổ chức việc điều tra, lập biên bản, có sự tham gia của công đoàn cơ sở. Biên bản phải ghi đầy đủ diễn biến của vụ tai nạn, thương tích nạn nhân, mức độ thiệt hại, nguyên nhân xảy ra, quy trách nhiệm để xảy ra tai nạn lao động. Biên bản có chữ ký của người lao động và đại diện công đoàn.

-Tất cả các vụ tai nạn lao động, các trường hợp bị bệnh nghề nghiệp đều phải được khai báo, thống kê và báo cáo theo quy định của Bộ LĐ-TB và XH, Bộ Y tế. Công tác khai báo, điều tra phải nắm vững, kịp thời, đảm bảo tính khách quan, cụ thể, chính xác.

-Khi tai nạn lao động nhẹ, công nhân nghỉ việc dưới 3 ngày:

- Quản đốc phân xưởng, đội trưởng đội sản xuất phải ghi sổ theo dõi tai nạn lao động của đơn vị mình, báo cáo cho cán bộ bảo hộ lao động của xí nghiệp để ghi vào sổ theo dõi tai nạn cấp trên.
- Cùng với công đoàn phân xưởng, đội sản xuất tổ chức ngay việc kiểm điểm trong đơn vị mình để tìm nguyên nhân tai nạn, kịp thời có biện pháp phòng ngừa cần thiết.

-Khi tai nạn lao động nhẹ, công nhân nghỉ việc 3 ngày trở lên:

- Quản đốc phân xưởng, đội trưởng đội sản xuất báo ngay sự việc cho giám đốc xí nghiệp biết, ghi sổ theo dõi đồng thời báo cáo cho cán bộ bảo hộ lao động biết.
- Trong 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, cùng với công đoàn phân xưởng, đội sản xuất lập biên bản điều tra tai nạn gửi cho giám đốc xí nghiệp phê duyệt.

-Khi tai nạn lao động nặng, công nhân nghỉ việc 14 ngày trở lên:

- Quản đốc phân xưởng báo ngay sự việc cho giám đốc xí nghiệp biết, giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm báo cáo ngay cho cơ quan lao động và Liên hiệp công đoàn địa phương biết.
- Trong 24 giờ kể từ khi xảy ra tai nạn, giám đốc xí nghiệp cùng với công đoàn cơ sở tổ chức điều tra trường hợp xảy ra tai nạn lao động, nguyên nhân tai nạn và xác định trách nhiệm gây ra tai nạn.
- Sau khi điều tra, giám đốc xí nghiệp phải lập biên bản điều tra: nêu rõ hoàn cảnh và trường hợp xảy ra, nguyên nhân tai nạn, kết luận về trách nhiệm để xảy ra tai nạn và đề nghị xử lý, đề ra các biện pháp ngăn ngừa tương tự.

-Tai nạn chết người hoặc tai nạn nghiêm trọng (làm bị thương nhiều người cùng 1 lúc, trong đó có người bị thương nặng):

- Quản đốc xí nghiệp phải báo ngay sự việc cho cơ quan lao động, công đoàn, y tế địa phương và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp biết. Đối với tai nạn chết người phải báo cho công an, Viện Kiểm sát nhân dân địa phương, Bộ LĐ-TB và XH, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.
- Các cơ quan có trách nhiệm phải nhanh chóng tới nơi xảy ra tai nạn. Việc tổ chức điều tra nguyên nhân và xác định trách nhiệm để xảy ra tai nạn phải được tiến hành trong vòng 48 giờ và do tiểu ban điều tra thực hiện.
- Căn cứ vào kết quả điều tra, tiểu ban điều tra phải lập biên bản nêu rõ nêu rõ hoàn cảnh và trường hợp xảy ra, nguyên nhân tai nạn, kết luận về trách nhiệm để xảy ra tai nạn và đề nghị xử lý, đề ra các biện pháp ngăn ngừa tai nạn tái diễn.
- Biên bản điều tra tai nạn phải được gửi cho cơ quan lao động, y tế, công đoàn địa phương, cơ quan chủ quản, Bộ LĐ-TB và XH, Tổng Liên đoàn lao động VN.

5.3.2-Phương pháp phân tích nguyên nhân và đánh giá tình hình tai nạn lao động:

5.3.2.1-Phương pháp phân tích nguyên nhân:

-Việc nghiên cứu, phân tích nguyên nhân nhằm tìm ra được những quy luật phát sinh nhất định, cho phép thấy được những nguy cơ tai nạn. Từ đó đề ra biện pháp phòng ngừa và loại trừ chúng. Thông thường có các biện pháp sau đây:

a/Phương pháp phân tích thống kê:

-Dựa vào số liệu tai nạn lao động, tiến hành thống kê theo nghề nghiệp, theo công việc, tuổi đời, tuổi nghề, giới tính, thời điểm trong ca, tháng và năm → từ đó thấy rõ mật độ của thông số tai nạn lao động để có kế hoạch tập trung chỉ đạo, nghiên cứu các biện pháp thích hợp để phòng ngừa.

-Sử dụng phương pháp này cần phải có thời gian thu thập số liệu và biện pháp đề ra chỉ mang ý nghĩa chung chứ không đi sâu phân tích nguyên nhân cụ thể của mỗi vụ tai nạn.

b/Phương pháp địa hình:

-Dùng dấu hiệu có tính chất quy ước đánh dấu ở những nơi hay xảy ra tai nạn, từ đó phát hiện được các tai nạn do tính chất địa hình.

-Phương pháp này cần phải có thời gian như phương pháp thống kê.

c/Phương pháp chuyên khảo:

-Nghiên cứu các nguyên nhân thuộc về tổ chức và kỹ thuật theo các số liệu thống kê.

-Phân tích sự phụ thuộc của nguyên nhân đó với các phương pháp hoàn thành các quá trình thi công và các biện pháp an toàn đã thực hiện.

-Nêu ra các kết luận trên cơ sở phân tích.

5.3.2.2-Đánh giá tình hình tai nạn lao động:

-Đánh giá tình hình tai nạn lao động không thể căn cứ vào số lượng tuyệt đối tai nạn đã xảy ra mà chủ yếu căn cứ vào hệ số sau đây:

- Hệ số tần suất chấn thương K_{ts} là tỷ số giữa số lượng tai nạn xảy ra trong thời gian xác định và số lượng người làm việc trung bình trong xí nghiệp trong khoảng thời gian thống kê.

$$K_{ts} = \frac{1000S}{N}$$

(1.1)

Trong đó:

+S: số người bị tai nạn.

+N:số người làm việc bình quân trong thời gian đó.

→ K_{ts} nói lên được mức độ tai nạn nhiều hay ít nhưng không cho biết đầy đủ tình trạng tai nạn nặng hay nhẹ.

- Hệ số nặng nhẹ K_n là số ngày bình quân mất khả năng công tác (nghỉ việc) tính cho mỗi lần bị tai nạn:

$$K_n = \frac{D}{S} \quad (1.2)$$

Trong đó:

+D: tổng số ngày nghỉ việc do tai nạn lao động gây ra.

→ K_n chưa phản ánh hết tai nạn chết người và thương vong nghiêm trọng làm cho nạn nhân mất hoàn toàn khả năng lao động.

- Hệ số tai nạn chung K_{tn} :

$$K_{tn} = K_{ts} \times K_n \quad (1.3)$$

→ K_{tn} đặc trưng chính xác hơn về mức độ diễn biến tình hình chấn thương.